

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 695/2024/HS-PT
Ngày 21 tháng 8 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 265/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thị Bé Ng và bị cáo Trần Thị Ngọc B do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Trần Thị Bé Ng, sinh năm 1992 tại tỉnh Bến T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 116/42/9/18 Huỳnh Tấn Ph, K p 5, thị trấn Nhà B, huyện Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: Lớp 6/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trần Văn Ch và bà Bùi Thị Sơn H; chồng là Đặng Minh Tr và có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Bị cáo Trần Thị Ngọc B, sinh 1988 tại Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 459 Ấp Hòa Ch, xã Sơn H, huyện Châu Th, tỉnh Bến T; chỗ ở lúc phạm tội: 134/6 ấp 1, xã Hiệp Ph, huyện Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt

Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Ph và bà Nguyễn Thị C; chồng là Trần Quốc Đ và có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo hoặc liên quan tới kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/8/2019, bị cáo Đặng Minh Tr điều khiển xe mô tô biển số 63B9-754... đi quanh khu vực xã Hiệp Ph, huyện Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích xem ai có tài sản để sơ hở thì chiếm đoạt. Khi đến trước nhà số 1399 Ấp 3, xã Hiệp Ph, huyện Nhà B của vợ chồng ông Trần Minh H và bà Trần Thị Th thì Tr phát hiện cổng nhà khóa ngoài, còn cửa chính thì đóng. Bị cáo Tr nhận định không có người ở nhà nên điều khiển xe mô tô đi về nhà bị cáo Trần Quốc Đ tại số 134/6 ấp 1, xã Hiệp Ph, huyện Nhà B và rủ Đ cùng đi đến căn nhà trên để trộm cắp tài sản nhưng bị cáo Đ không trả lời. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Tr tiếp tục rủ thì bị cáo Đ đồng ý nên bị cáo Tr lấy 01 kiềm và 01 tua vít mang theo, còn bị cáo Đ lấy chiếc xe gắn máy hiệu Sirius, biển số 71B1-987... của vợ là Trần Thị Ngọc B để chở Tr đi. Đến nơi, bị cáo Tr nói bị cáo Đ dừng lại và đứng canh giới, còn bị cáo Tr đi bộ ra phía sau căn nhà của ông Trần Minh H, dùng kìm và tua vít mở hàng rào lưới B40 để chui vào. Vào được trong sân, bị cáo Tr dùng cây tua vít cạy bẻ 01 tấm cửa kính phía sau nhà, tháo ốc vít khung cửa sắt rồi đi vào trong nhà lục 03 cái tủ tại lối đi đối diện 02 phòng ngủ lấy đồng hồ và vàng nữ trang có trong 03 cái tủ này. Sau đó, bị cáo Tr xuống nhà bếp lấy 01 con dao và tua vít cạy bung cánh cửa cái kết sắt để trong phòng ngủ, lấy tiền và vàng trong két sắt, rồi lấy 01 cái ba lô bỏ các tài sản lấy được, rồi đi ra cho bị cáo Đ để chở về nhà của bị cáo Tr tại số 116/42/2/9/18 tổ 12, K p 5, thị trấn Nhà B, huyện Nhà B. Tại đây bị cáo Tr và bị cáo Đ kiểm tra số tài sản vừa trộm cắp được gồm các loại nhẫn, dây chuyền, vòng đeo tay và 154.330.000 đồng với nhiều loại mệnh giá khác nhau; bị cáo Tr chia cho bị cáo Đ 65.000.000 đồng tiền mặt, còn vàng sẽ bán chia nhau sau. Lúc này, bị cáo Trần Thị Bé N có mặt và hỏi bị cáo Tr tiền vàng ở đâu mà nhiều thì Tr trả lời vừa cùng Đ đi trộm cắp mà có. Sau đó, bị cáo Tr đưa cho bị cáo Ng 10.000.000 đồng để trả nợ, đưa 2.000.000 đồng để chi tiêu và đến sáng ngày 10/8/2019 thì bị cáo Tr nói với bị cáo Ng đem tiền đến cửa hàng xe máy tại Q 4 mua 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade với giá 50.000.000 đồng, đặt cọc trước 45.000.000 đồng. Bị cáo Tr chi tiêu khoảng 13.000.000 đồng, đóng tiền học cho 02 con là 5.200.000 đồng. Còn bị cáo Đ thì đem tiền về nhà tại số 134/6 ấp 1, xã Hiệp Ph, huyện Nhà B đưa cho vợ là bị cáo Trần Thị Ngọc B cất giữ 55.000.000 đồng và nói cho bị cáo B biết số tiền trên vừa cùng với

bị cáo Trộm cắp được. Bị cáo B lấy 1.757.000 đồng trả nợ cho Ngân hàng và chi tiêu 443.000 đồng.

Đến 16 giờ 20 phút ngày 08/8/2019, vợ chồng anh Trần Minh H và chị Trần Thị Th về nhà phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an xã Hiệp Ph, huyện Nhà B trình báo sự việc.

Ngày 12/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Lệnh bắt người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Đặng Minh Tr và bị cáo Trần Quốc Đ. Sau khi bị bắt, bị cáo Đặng Minh Tr giao nộp 14.330.000 đồng và một số tài sản trộm cắp của anh H gồm: 05 sợi dây chuyền, 01 lắc tay, 01 kiềng đeo cổ, 05 đôi bông tai; 03 lắc tay màu vàng; 07 đồng hồ; 09 nhẫn kim loại màu trắng và màu vàng; 02 viên charm màu trắng và màu xanh; 03 vòng đeo tay màu vàng và màu trắng; 02 mặt dây chuyền hình phật đá màu xanh và màu nâu hình phật; 04 chai dầu thơm hiệu BVLGARI; 01 loa LG Bluetooth màu đen; 02 túi vải màu đen xanh trắng; 01 hộp giấy màu trắng chữ MICHAEL KORS. Đạt giao nộp 1.932.000 đồng và bị cáo Bích giao nộp 47.800.000 đồng.

Theo Bản kết luận định giá số 2497/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh thì số tài sản bằng hiện vật mà bị cáo Đặng Minh Tr giao nộp gồm: 05 sợi dây chuyền, 01 lắc tay, 01 kiềng đeo cổ, 05 đôi bông tai; 03 lắc tay màu vàng; 07 đồng hồ; 09 nhẫn kim loại màu trắng và màu vàng; 02 viên charm màu trắng và màu xanh; 03 vòng đeo tay màu vàng và màu trắng; 02 mặt dây chuyền hình phật đá màu xanh và màu nâu hình phật; 04 chai dầu thơm hiệu BVLGARI; 01 loa LG Bluetooth màu đen; 02 túi vải màu đen xanh trắng; 01 hộp giấy màu trắng chữ MICHAEL KORS, có giá trị tổng cộng là 218.062.453 (Hai trăm mười tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi ba) đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp tại nhà của bị hại Trần Minh H là 372.392.453 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2023/HS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

1. *Xử phạt bị cáo Trần Thị Bé Ng 6 (S) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.*

2. *Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc B 6 (S) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Đặng Minh Tr, bị cáo Trần Quốc Đ; xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, bị cáo Trần Thị Bé Ng và bị cáo Trần Thị Ngọc B kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Bé Ng và bị cáo Trần Thị Ngọc B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo với những lý

do sau: Các bị cáo có chồng đều là bị cáo trong vụ án bị xử phạt tù; đang nuôi con nhỏ; là lao động chính trong gia đình; nhận thức pháp luật hạn chế; nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; đã tự nguyện giao nộp thêm tiền khắc phục hậu quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác và những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, chỉ kháng cáo xin hưởng án treo. Xét thấy, mặc dù hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng nhân thân của các bị cáo là tốt, có chỗ ở ổn định, sau khi xét xử sơ thẩm đã khắc phục thêm tiền cho bị hại thay cho chồng (là bị cáo trong vụ án) là thể hiện thái độ ăn năn hối cải; đặc biệt, các bị cáo còn đang nuôi 02 con còn nhỏ và có chồng phải chấp hành án, việc buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ ảnh hưởng tới các cháu nhỏ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 năm.

Bị cáo Trần Thị Bé Ng: Bị cáo có con còn nhỏ, gia đình không có ai chăm sóc con của bị cáo, xin cho bị cáo hưởng án treo để nuôi con ăn học.

Bị cáo Trần Thị Ngọc B: Bị cáo xin Tòa cho hưởng án treo để chăm cho các con ăn học và nuôi cha mẹ già.

Bị cáo Trần Thị Bé Ng nói lời nói sau cùng: Bị cáo ân hận trước hành vi phạm tội của mình, xin cho bị cáo hưởng án treo để nuôi con và thăm nuôi cho chồng.

Bị cáo Trần Thị Ngọc B nói lời nói sau cùng: Bị cáo ân hận trước hành vi phạm tội của mình, xin cho bị cáo hưởng án treo để nuôi con và thăm nuôi cho chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Bé N và đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc B được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Đặng Minh Tr lấy số tiền do trộm cắp được đưa cho vợ là bị cáo Trần Thị Bé Ng 12.000.000 đồng để trả nợ và chi tiêu, đưa 50.000.000 đồng để mua xe mô tô hiệu Honda Air Blade.

Còn bị cáo Trần Quốc Đ lấy số tiền 55.000.000 đồng trộm cắp được đưa vợ là bị cáo Trần Thị Ngọc B cất giữ; sau đó, bị cáo Bích lấy 1.757.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng và chi tiêu 443.000 đồng. Khi nhận tiền của bị cáo Tr và bị cáo Đ đưa, cả bị cáo Ng và bị cáo B đều nhận thức rõ số tiền trên do bị cáo Tr và bị cáo Đ trộm cắp mà có.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị Bé Ng và bị cáo Trần Thị Ngọc B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Bé Ng và bị cáo Trần Thị Ngọc B thừa toàn bộ hành vi phạm tội của mình, chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, thành thật khai báo; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bản thân là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ và có chồng là bị cáo trong vụ án.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Ng và bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn chấp nhận lấy và sử dụng vào mục đích cá nhân, chính từ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguyên nhân làm gia tăng tội phạm về chiếm đoạt nên cần phải xử lý nghiêm. Tuy nhiên, xét dưới góc độ khoa học pháp lý về tội phạm học thì hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp thụ động; các bị cáo có trình độ học vấn thấp (bị cáo Ng có trình độ văn hóa: Lớp 6/12; bị cáo Bích có trình độ văn hóa: Lớp 9/12); bị cáo Ngoan có chồng là bị cáo Đặng Minh Tr (bị xử phạt 09 năm tù về tội trộm cắp tài sản trong cùng vụ án), có con 02 con nhỏ đang sống cùng (lớn sinh năm 2010; nhỏ sinh năm 2012); còn bị cáo B có chồng là bị cáo Trần Quốc Đ (bị xử phạt 07 năm tù về tội trộm cắp trong cùng vụ án), có 02 con nhỏ (lớn sinh năm 2013; nhỏ sinh năm 2017) và đang sống cùng; cả hai bị cáo có nhân thân tốt, có việc làm ổn định và nơi cư trú rõ ràng; sau khi xét xử sơ thẩm, mặc dù hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo Ng vẫn cố gắng khắc phục một phần hậu quả cho chồng (bị cáo Đ) bằng việc bồi thường thêm cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng; điều này thể hiện thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo trước hành vi phạm tội của mình.

[5] Đối chiếu quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì trường hợp bị cáo Ng và bị cáo B thỏa mãn các điều kiện để được áp dụng quy định này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không phù hợp. Mặt khác, các bị cáo đều có chồng là bị cáo trong vụ án và bị xử phạt với mức án tù từ 07 đến 09 năm, việc buộc hai bị cáo Ng và bị cáo B phải chấp hành hình phạt tù trong khi các con còn quá nhỏ, không có người chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ làm ảnh hưởng

trực tiếp tới sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của các cháu đang ở trong độ tuổi hình thành nhân cách. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo cho các bị cáo được hưởng án treo.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị cho hai bị cáo hưởng án treo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Bé Ng; chấp kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc B; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo Ng và bị cáo B.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323, điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

- Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Trần Thị Bé Ng 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm. Giao bị cáo Trần Thị Bé Ng cho Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà B, huyện Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Thị Bé Ngoan thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc B 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm. Giao bị cáo Trần Thị Ngọc B cho Ủy ban nhân dân xã Sơn H, huyện Châu Th, tỉnh Bến T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Thị Ngọc B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng

án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị Bé Ng và bị cáo Trần Thị Bích Ng không phải chịu.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Công an TP Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh;
- Trại TG - Công an TP Hồ Chí Minh;
- UBND thị trấn Nhà B, huyện Nhà B;
- UBND xã Sơn H, Châu Thành, Bến T;
- Lưu - NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường